TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà và bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử C vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Hà Văn H, sinh ngày 18/11/1990 tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hà Văn Đ và bà Dương Thị V; có vợ là Nguyễn Thị Hvà 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn H : Ông Nguyễn Văn Huấn và ông Lâm Quang Đạo là Luật sư của Công ty Luật TNHH Thịnh Hưng chi nhánh Bình Xuyên, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ chi nhánh tại: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Bị hại**: Chị Triệu Thị H1, sinh năm 1981; trú tại: Số xx, đường Lạc Long Quân, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

- Nguyên đơn dân sự: Doanh nghiệp Tư nhân C ; trụ sở: Phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1963; trú tại: Tổ Y, phường Xuân Hòa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố Nam Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H (chị H) , sinh năm 1989; trú tại: Tổ dân phố Trong Ngoài, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Ông Hà Văn Đ , sinh năm 1964, (vắng mặt);

+ Bà Dương Thị V , sinh năm 1960, (vắng mặt).

Ông Đoàn, bà Vạn đều trú tại: Thôn C , xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H3và anh Nguyễn Đức T (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2019, Hà Văn H đã thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên; 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Phúc Yên và 02 lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức: Ông Hà Văn Đ (ông Đ) là bố đẻ của Hà Văn H . Ông Đ có quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 1148,0m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ . Từ năm 2013, Ông Đ đã giao GCNQSDĐ trên cho H sử dụng để thế chấp vay tiền tại các Ngân hàng để kinh doanh. Mỗi lần H cần vay tiền tại ngân hàng thì Ông Đ ký giấy ủy quyền cho H làm toàn bộ các thủ tục. Khoảng đầu tháng 7 năm 2019, H nhận được tin nhắn quảng cáo qua điện thoại với nội dung nhận đặt làm các giấy tờ giả theo yêu cầu. Do không có tiền tiêu sài cá nhân và nợ nần nhiều nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức đặt làm giả GCNQSDĐ của thửa đất diện tích 1148,0m^2 sau đó đem đi thế chấp vay tiền. H đã liên lạc điện thoại tới số đã nhắn tin cho H rồi thông qua mạng xã hội Zalo đặt làm 01 GCNQSDĐ theo thông tin H đưa ra với giá 15.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, H chụp ảnh bản photo GCNQSDĐ số X494496 gửi cho tài khoản này đồng thời thỏa thuận khi nào nhận giấy tờ giả thì sẽ trả tiền. Khoảng 7 ngày sau H nhận

01 GCNQSDĐ giả của thửa đất có diện tích 1148,0m^2 theo GCNQSDĐ số X494496 mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Hà Văn Đ đã được ép nilon từ 01 người nam giới không xác định tên tuổi, địa chỉ đồng thời thanh toán số tiền 15.000.000 đồng cho người này. Sau khi có được GCNQSDĐ giả, H nhờ vợ là chị Nguyễn Thị H tìm người cho vay tiền để đáo hạn nợ ngân hàng. Chị Huế có liên hệ với bạn học là chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989 trú tại phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên nhờ tìm người cho vay tiền thì được chị H giới thiệu tới chị Triệu Thị H1, sinh năm: 1981 trú tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Sau khi có số điện thoại của chị H1, H liên lạc qua điện thoại với chị H1 đặt vấn đề vay tiền thì chị H1 yêu cầu có tài sản đảm bảo mới cho vay tiền đồng thời hẹn gặp tại quán Café New Star, địa chỉ: Số 1, Lạc Long Quân, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để giao dịch. H đồng ý và nói với Ông Đ là H đã tất toán khoản vay với Ngân hàng Công thương Việt Nam, lấy được GCNQSDĐ về. Do cần tiền kinh doanh nên H tiếp tục mượn GCNQSDĐ của gia đình làm tài sản bảo đảm để vay nợ và nhờ Ông Đ đi gặp chị H1 để làm thủ tục vay tiền. Do là người thân trong gia đình nên Ông Đ tin tưởng và đồng ý đi cùng H .

Khoảng 19 giờ ngày 16/7/2019, H cùng Ông Đ và cháu Hà Thành A, sinh năm: 2014 là con trai của H cùng đi đến quán Cafe New Star để gặp chị H1 và anh Nguyễn Đức T, sinh năm: 1978 là chồng chị H1. Tại đây, H đặt vấn đề vay chị H1 số tiền 500.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/8/2019, tài sản bảo đảm là 01 GCNQSDĐ được ép nilon số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ là chủ sử dụng đất (GCNQSDĐ giả mà H đã đặt làm từ trước). Chị H1 đồng ý cho H vay số tiền 473.800.000đ, yêu cầu H viết 01 giấy biên nhận vay tiền và yêu cầu Ông Đ xác nhận nội dung uỷ quyền cho H có quyền sử dụng thửa đất theo Giấy chứng nhận trên vào giấy biên nhận vay tiền thì H đồng ý. Sau đó chị H1 giao cho H số tiền mặt là 250.000.000 đồng, số tiền còn lại chị H1 sẽ chuyển vào tài khoản cho H qua tài khoản của chị Nguyễn Thị H . Ngày 17/7/2019 chị H1 chuyển số tiền 223.800.000 đồng từ số tài khoản 0591066888888 mang tên Triệu Thị H1 tại Ngân hàng TMCP An Bình vào tài khoản số 109850288888 mang tên Nguyễn Thị H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên. Sau khi nhận được tiền, chị Huế đã rút tiền mặt và chuyển cho H toàn bộ số tiền trên. Số tiền H chiếm đoạt của chị H1 thì H đã một mình tiêu sài và trả nợ cá nhân hết, sau đó H bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi hết hạn cho vay chị H1 nhiều lần liên lạc với H để đòi tiền nhưng không liên lạc được. Lúc này, H liên lạc qua điện thoại, nói cho mẹ đẻ là bà Dương Thị V , và vợ là chị Huế biết GCNQSDĐ đưa cho chị H1 là giấy tờ giả và H nhờ gia đình trả nợ thay cho H . Sau khi biết sự việc, bà Vạn đã đến gặp chị H1, nói cho chị H1 biết nội dung sự việc và xin khắc phục hậu quả. Do vậy, chị H1 đã trình báo cơ quan Công an.

Ngày 31/8/2020, chị H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 GCNQSDĐ số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ địa chỉ: C , Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc và 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 17/7/2019 do H viết.

Quá trình điều tra, ngày 11/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc, Chi nhánh Phúc Yên đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 03 mẫu GCNQSDĐ được phát hành thời điểm tháng 12/2002 trong đó có 01 GCNQSDĐ số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ đã đục lỗ thu hồi từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc, Chi nhánh Phúc Yên cùng thời điểm ghi nhận trên GCNQSDĐ số X494496 do chị Triệu Thị H1 giao nộp khi trình báo.

Ngày 11/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên có Quyết định số 545 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với GCNQSDĐ số X494496 do chị H1 giao nộp. Tại Kết luận giám định số 33 ngày 01/01/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận giám định xác định:

+ Hình dấu tròn, hình dấu chữ chức danh trên GCNQSDĐ do chị H1 giao nộp là hình dấu đóng trực tiếp so với hình dấu trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu trên mẫu giám định GCNQSDĐ số X494496 thu thập từ Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Phúc Yên là hình dấu đóng trực tiếp so với hình dấu trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký dưới mục "Chủ tịch UBND" trên mẫu cần giám định là GCNQSDĐ chị H1 giao nộp là chữ ký trực tiếp so với chữ ký trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Chủ tịch UBND" trên mẫu giám định GCNQSDĐ số X494496 thu thập từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc, Chi nhánh Phúc Yên so với chữ ký trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

+ Các lớp in trên mẫu cần giám định là GCNQSDĐ chị H1 giao nộp so với mẫu so sánh không cùng một phương pháp in.

+ Các lớp in trên mẫu cần giám định GCNQSDĐ số X494496 thu thập từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc, Chi nhánh Phúc Yên so với mẫu so sánh cùng một phương pháp in**.**

Ngày 17/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên có Quyết định số 03 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết chữ ký trên giấy biên nhận tiền đề ngày 17/7/2019. Tại Kết luận giám định số 32 ngày 01/01/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận giám định xác định chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận tiền là do H viết,

ký ra. Đối với nội dung uỷ quyền mang tên Hà Văn Đ do ông Hà Văn Đ , sinh năm:1964 ở C , Cao Minh, Phúc Yên là bố đẻ của H viết ký ra.

2. Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Ngày 15/7/2019, H một mình đến Doanh nghiệp tư nhân C của bà H tại thành phố Phúc Yên thuê xe ôtô nhãn hiệu Kia Forte BKS:88A - 048.17, thời gian 01 tháng, giá thuê xe là 500.000 đồng/1 ngày để tự lái. Bà H đồng ý nhưng khi lập hợp đồng thuê xe thì H không xuất trình được Giấy phép lái xe nên bà Hyêu cầu người có Giấy phép lái xe đúng quy định của pháp luật đứng tên thuê xe mới ký hợp đồng. H về nhà nhờ vợ và được chị H đồng ý đứng tên hợp đồng thuê xe. Sau khi ký kết hợp đồng thuê xe, bà H giao cho H 01 xe ôtô nhãn hiệu Kia Forte màu đen, BKS:88A - 048.17; 01 bản sao Đăng ký xe ôtô mang tên chủ xe là Doanh nghiệp tư nhân C ; 01 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ xe; 01 Đăng kiểm xe. Sau khi thuê được xe, H sử dụng vào việc đi lại cá nhân và kinh doanh sơn. Đến đầu tháng 8/2019, do nợ nần nhiều nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ôtô BKS:88A - 048.17, mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. H liên lạc qua điện thoại với người quen là ông Lê Văn B trú tại tổ dân phố Nam Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường để đặt vấn đề cầm cố xe ô tô. Do ông Bình yêu cầu giấy tờ gốc của xe mới nhận cầm cố. H nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17 giả mang tên chủ xe Hà Văn H . Sau đó, H liên lạc với số điện thoại qua Zalo có từ trước, cung cấp các thông tin cần thiết để đặt làm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17 giả mang tên chủ xe là H với giá thoả thuận là 7.000.000 đồng. Khoảng 07 ngày sau, H nhận được 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 007860 xe ôtô nhãn hiệu Kia Forte mang BKS:88A - 048.17 chủ xe là Hà Văn H , địa chỉ: Đội 6, C , Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thông qua một người giao hàng (H không biết tên, tuổi địa chỉ của người này). Ngày 13/8/2019, H cầm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe giả, một mình đi đến nhà ông Lê Văn B cầm cố xe ô tô. Sau khi xem giấy tờ xe, ông Bình đồng ý nhận cầm cố xe với giá 170.000.000 đồng, tuy nH1 do không kinh doanh cầm cố tài sản nên ông Bình yêu cầu H viết 01 giấy bán xe cho ông Bình rồi giao tiền nhận tài sản. Số tiền có được từ việc cầm cố xe H tiêu sài và trả nợ cá nhân hết. Khi hết hạn thuê xe không thấy H , chị H trả xe, bà H có liên lạc nhiều lần để đòi xe nhưng H trốn tránh nên đã tới Công an thành phố Phúc Yên trình báo sự việc.

Ngày 13/12/2019 ông Bình tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS: 88A - 048.17 mang tên chủ xe Hà Văn H địa chỉ: Đội 6, C , Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc số 0077860 cấp ngày 12/09/2013; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 4092634 của xe

ôtô BKS:88A - 048.17; 01 giấy bán xe mang tên Hà Văn H bán xe ôtô BKS: 88A - 048.17 người mua xe Lê Văn B, địa chỉ: Nam Cường, Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc; 01 bản photo căn cước công dân mang tên Hà Văn H ; 01 bản photo sổ hộ khẩu mang tên Hà Văn Đ ; 01 bản photo sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Khắc Thái; 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H ; 01 xe ôtô nhãn hiệu Kia Forte màu đen mang BKS:88A - 048.17.

Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã tiến hành làm việc với Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên đề nghị cung cấp bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17 và đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Phúc cung cấp bản gốc tờ khai đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17.

Ngày 18/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên có Quyết định số 126 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với mẫu cần giám định là 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17 do ông Lê Văn B giao nộp so với mẫu so sánh là Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS:88A - 048.17 do Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên và tờ khai đăng ký xe. Tại Kết luận số 684 ngày 01/4/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

+ Chữ ký mang tên "Thượng tá Trương Bá Khánh" trên mẫu cần giám định là chữ ký trực tiếp so với chữ ký mang tên "Thượng tá Trương Bá Khánh" trên mẫu so sánh **không phải do cùng một người ký ra.**

+ Hình dấu tròn trên mẫu cần giám định so với con dấu trên mẫu so sánh **không phải do cùng một con dấu đóng ra, được tạo bằng phương pháp in phun màu.**

+ Bản in trên mẫu cần giám định so với mẫu so sánh Giấy chứng nhận đăng ký xe do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên cung cấp **không phải do cùng một bản in in ra.**

Ngày 28/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên có Quyết định số 401 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết, chữ ký mang tên Hà Văn H dưới mục "Người làm giấy" của Giấy bán xe và của Hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 15/7/2019, so sánh với bản tự khai của Hà Văn H . Tại Kết luận giám định số 2833 ngày 01/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh là **do cùng một người ký ra.**

Ngày 18/12/2019 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên có Yêu cầu số 01 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố

Phúc Yên định giá tài sản là xe ôtô BKS: 88A - 048.17. Tại kết luận số 122 ngày 25/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Phúc Yên kết luận: Trị giá xe ôtô nhãn hiệu Kia Forte BKS:88A - 048.17 là 250.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Hà Văn H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Hà Văn H về các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; từ 11 năm đến 11 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hà Văn H phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là từ 19 năm 06 tháng đến 20 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 29/7/2021. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Hà Văn H phải trả cho chị triệu Thị H1 số tiền 278.800.000 đồng; ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Doanh nghiệp tư nhân C là bà Nguyễn Thị H ; ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai giai đoạn điều tra thể hiện đã nhận được bồi thường thiệt hại nên không có yêu cầu đề nghị gì. Chị Triệu Thị H1 xác nhận đã được bị cáo và gia đình bồi thường số tiền 195.000.000đ, đề nghị buộc bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 278.800.000đ. Bà Dương Thị V , chị Nguyễn Thị H , ông Hà Văn Đ xác nhận không yêu cầu gì đối với Hà Văn H .

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Hà Văn H xin được giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để sớm trở lại cộng đồng, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng hồ sơ đã có đủ lời khai đảm bảo cho việc xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ theo thủ tục chung.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hà Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Trong năm 2019, Hà Văn H , đã thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên; 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Phúc Yên và 02 lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Cụ thể như sau:

[3.1] Vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Ngày 15/7/2019, Hà Văn H thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu Kia Forte màu đen BKS: 88A-048.17 của Doanh nghiệp tư nhân C có trụ sở tại tổ 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do bà Nguyễn Thị H là chủ để làm phương tiện đi lại phục vụ kinh doanh sơn. Đến đầu tháng 8/2019, do không có tiền tiêu sài và nợ nần nên H đem chiếc xe ô tô trên đi cầm cố cho ông Lê Văn B được số tiền 170.000.000đ. Sau đó không có khả năng chuộc lại tài sản trả cho chủ sở hữu. Qua định giá, trị giá xe ô tô BKS: 88A-048.17 là 250.000.000đ.

[3.2] Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Do nợ nần nhiều và không có tiền tiêu sài cá nhân nên Hà Văn H nảy sinh ý định bằng thủ đoạn gian dối làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi thế chấp vay tiền, sau đó chiếm đoạt tài sản là số tiền đã vay. Qua mạng xã hội Zalo, H thuê một người không quen biết làm giả GCNQSDĐ số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ , địa chỉ: C , Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc. Với phương thức thủ đoạn đó, ngày 16/7/2019, H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên làm tài sản thế chấp, làm cho chị H1 tin tưởng cho H vay sau đó H đã chiếm đoạt số tiền 473.800.000đ của chị Triệu Thị H1

[3.3] Vụ án Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức: Thông qua mạng xã hội Zalo, Hà Văn H đã thuê một người không quen biết làm giả 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS: 88A-048.17 đứng tên H , sau đó H sử dụng Giấy đăng ký xe giả này để đem xe ô tô BKS: 88A-048.17 do H thuê của doanh nghiệp tư nhân C đi cầm cố cho ông Lê Văn B như trên. Sau đó H tiếp tục thuê một người không quen biết làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X494496 mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Hà Văn Đ , địa chỉ: C , Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc rồi sử dụng làm công cụ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Triệu Thị H1.

[4] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định, định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Hành vi thuê xe ô tô sau đó cầm cố cho người khác để chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của Hà Văn H đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 điều 175 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ số tiền vay là 473.800.000 đồng của Hà Văn H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm hoặc tù chung thân.

Hành vi nhiều lần làm giả 01 GCNQSDĐ và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe của Hà Văn H đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, c khoản 2 điều 341 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

[5] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo; khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại;

Tuy trước khi phạm tội bị cáo có nhân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, trong khoảng thời

gian ngắn bị cáo đã phạm tội nhiều lần và phạm ba tội khác nhau, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, đấu tranh với các loại tội phạm này.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Triệu Thị H1 xác nhận đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 195.000.000đ, số tiền bị thiệt hại còn lại là 278.800.000đ chị H1 yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường số tiền này là có căn cứ, cần chấp nhận. Số tiền bà Vạn (mẹ bị cáo H) và chị Huế tự nguyện bồi thường thay cho H và đều không yêu cầu H phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra, Hà Văn H và chị Huế đã tự nguyện bồi thường cho ông Bình số tiền 170.000.000đ, ông Bình đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự. Nguồn gốc số tiền bồi thường là tài sản chung của H và chị Huế, do chị Huế tự nguyện bồi thường cho ông Bình, nên chị Huế không yêu cầu H phải trả lại. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với thiệt hại của Doanh nghiệp tư nhân C , sau khi nhận được tài sản bà Hlà chủ doanh nghiệp không có yêu cầu đề nghị gì khác về bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô BKS: 88A - 048.17 và 01 giấy bán xe đứng tên Hà Văn H do ông Lê Văn B giao nộp là tài liệu chứng cứ, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X494496 mang tên hộ ông Hà Văn Đ cùng 01 giấy biên nhận vay tiền đứng tên Hà Văn H do chị Triệu Thị H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra là tài liệu chứng cứ, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với xe ô tô BKS: 88A - 048.17, quá trình điều tra xác định là tài sản của doanh nghiệp tư nhân C . Ngày 10/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô trên cùng đăng kiểm xe ô tô cho bà Hạnh, là chủ doanh nghiệp tư nhân C là có căn cứ.

[9] Đối với vai trò chị Nguyễn Thị H trong hành vi lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản của H : Quá trình điều tra xác định từ năm 2016, H bắt đầu kinh doanh sơn nên thường xuyên thuê xe ô tô tự lái của doanh nghiệp tư nhân C để phục vụ công việc kinh doanh. Chị Huế thường xuyên đứng tên hợp đồng thuê xe. Đối với xe ô tô BKS: 88A - 048.17, H thuê xe ô tô và sử dụng vào mục đích đi lại, sau đó nảy sinh ý định đem cầm cố lấy tiền trả nợ cá nhân. Số tiền bán xe H

không đem về chi tiêu trong gia đình, khi cầm cố xe ô tô trên cho ông Bình, H thực hiện một mình, không thông báo, bàn bạc với chị Huế. Do chị Huế không biết, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt xe ô tô BKS: 88A - 048.17 của H , nên không phải là đồng phạm với H , Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với vai trò của chị Nguyễn Thị H trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H . Chị Nguyễn Thị H là vợ của H nên khi H nói cần tiền làm ăn và nhờ Huế tìm người cho vay tiền. Chị Huế không biết việc H làm giả GCNQSDĐ và có mục đích vay tiền. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý Huế về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị H, quá trình điều tra xác định chị H là người giới thiệu chị H1 cho chị Huế để H vay tiền, chị H không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H , do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý .

[11] Đối với ông Hà Văn Đ , quá trình điều tra xác định: Từ năm 2013, Ông Đ đã giao GCNQSDĐ của hộ gia đình ông cho H để H sử dụng vay tiền Ngân hàng phục vụ kinh doanh. Mỗi lần H cần vay tiền thì Ông Đ ký giấy ủy quyền cho H được toàn quyền làm tất cả các thủ tục liên quan thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Việc H thế chấp vay tiền tại Ngân hàng như thế nào, Ông Đ không biết và không tham gia. Tháng 7/2019, H nói với Ông Đ đã xóa thế chấp ở ngân hàng, rút GCNQSDĐ về nên Ông Đ tin tưởng H , Ông Đ không được cầm, nhìn nên không biết GCNQSDĐ mà H sử dụng để thế chấp vay tiền của chị H1 là giấy tờ giả. Do đó Ông Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[12] Đối với bà Dương Thị V (mẹ đẻ của H) và chị Nguyễn Thị H (vợ của H) trong việc không tố giác tội phạm: Quá trình điều tra xác định Khi Hà Văn H nói cho bà Vạn và chị Huế biết GCNQSDĐ sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của chị H1 là giấy tờ giả, bà Vạn và chị Huế có hành vi không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, do H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, căn cứ vào Điều 19; Điều 389; Điều 390, hành vi không tố giác tội phạm của bà Vạn và chị Huế không cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử là có căn cứ.

[13] Đối với người làm giả Giấy đăng ký xe ô tô và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình điều tra H khai nhận liên lạc với người này qua mạng xã hội Zalo, H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Số điện thoại và chiếc điện thoại H dùng để đăng ký tài khoản mạng xã hội Zalo H đã vứt bỏ, không nhớ số, tên đăng nhập và mật khẩu. Do vậy, Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ xử lý sau.

[14] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với phần nghĩa vụ mà phải thực hiện (278.800.000 đồng) với số tiền là 13.940.000 đồng [278.800.000 đồng x 5%].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Hà Văn H phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hà Văn H 05 (năm) 09 (chín) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội, buộc Hà Văn H phải chấp hành hình phạt 20 (Hai mươi) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/7/2021.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Hà Văn H phải bồi thường cho chị Triệu Thị H1 số tiền 278.800.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.940.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Cơ quan THA.HS CA. Vĩnh Yên;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Vĩnh Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Quang